

Bản án số: 25/2026/HS-PT
Ngày 30 - 9 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Minh và ông Đỗ Tuấn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Nhật Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 36/2026/TLPT-HS ngày 15 tháng 9 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2026/QĐPT-HS ngày 16 tháng 9 năm 2026. Do có kháng cáo của bị cáo Ngô Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 146/2026/HS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Sơn La.

- Bị cáo có kháng cáo:

Ngô Thị T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 08 tháng 12 năm 1972 tại xã Đ, tỉnh Nghệ An. Số CCCD: 040172000694 cấp ngày 09/02/2021; Nơi cư trú: tổ A C, phường T, tỉnh Sơn La (nay là tổ F, phường T, tỉnh Sơn La); trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp khi phạm tội: Công chức Thuế Cơ sở 1, tỉnh Sơn La; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ1 (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 05-QĐ/UBKTTU ngày 20/11/2025 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy UBND tỉnh S); con ông Ngô Quang H và bà Nguyễn Thị L (đều đã chết); có chồng là ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1971 và 01 con sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/11/2025 đến ngày 12/3/2026 sau đó được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập: Lương Tuấn P; sinh ngày 05 tháng 5 năm 1975; Địa chỉ: Tổ G, phường T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp khi phạm tội: Công chức T, tỉnh Sơn La.

- Những người bị hại có kháng cáo nhưng đã rút toàn bộ kháng cáo trước khi mở phiên tòa, Tòa án không triệu tập:

+ Bà Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ A Q, phường T, tỉnh Sơn La.

+ Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ F, phường C, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Thị T và Lương Tuấn P là công chức công tác tại Tổ Quản lý, hỗ trợ cá nhân, hộ kinh doanh số 01 - T tỉnh Sơn La, giữ chức danh Kiểm tra viên thuế mã ngạch 06.038, có nhiệm vụ quản lý, theo dõi, đôn đốc người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản thu khác vào ngân sách Nhà nước. Ngô Thị T là Tổ trưởng tổ quản lý, phụ trách quản lý các hộ kinh doanh trên địa bàn các phường T, C, C, C, tỉnh Sơn La; Lương Tuấn P được giao trực tiếp quản lý các hộ kinh doanh trên địa bàn phường T, tỉnh Sơn La.

Pháp luật về quản lý thuế quy định việc kiểm tra, xác minh, ấn định, truy thu thuế phải được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền; người nộp thuế thực hiện nộp tiền vào ngân sách Nhà nước thông qua Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại, công chức thuế có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế nhưng không được trực tiếp thu tiền hoặc nhận tiền thuế qua tài khoản cá nhân.

Tháng 8/2025, Phòng Rủi ro và Công nghệ thông tin Thuế tỉnh S gửi danh sách các hộ kinh doanh có doanh thu khoán biến động từ 50% trở lên để Thuế Cơ sở 1 rà soát, hướng dẫn người nộp thuế kê khai doanh thu sát thực tế phát sinh. Thuế Cơ sở 1 và T2 tỉnh Sơn La không có chủ trương, kế hoạch hoặc quyết định truy thu thuế đối với các hộ kinh doanh trong vụ án. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, Ngô Thị T đã đưa ra thông tin không đúng về nghĩa vụ thuế, yêu cầu các hộ kinh doanh nộp số tiền cao hơn nghĩa vụ thuế thực tế; sau khi nhận tiền, chỉ nộp một phần vào ngân sách Nhà nước theo nghĩa vụ thuế thực tế, phần còn lại không lập chứng từ, không hạch toán, không nộp ngân sách mà chiếm đoạt, sử dụng cá nhân. Từ ngày 05/9/2025 đến ngày 24/9/2025, bằng cách thức trên, Ngô Thị T chiếm đoạt tổng số tiền 71.652.000 đồng của các hộ kinh doanh Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Thu H2 và Hoàng Văn T1. Lương Tuấn P biết việc yêu cầu các hộ kinh doanh nộp số tiền vượt quá nghĩa vụ thuế thực tế là trái quy định nhưng vẫn tham gia ở hai trường hợp Nguyễn Thị Thu H2 và Hoàng Văn T1, số tiền chênh lệch là 26.693.000 đồng. Cụ thể:

1. Trường hợp thứ nhất: Nguyễn Văn N là chủ hộ kinh doanh phân phối bia S tại số F đường L, tổ C, phường C, tỉnh Sơn La. Năm 2024, hộ kinh doanh của N có doanh thu khoán 54.000.000 đồng/năm, tương ứng 4.500.000 đồng/tháng, không thuộc trường hợp phải nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân theo quy định. Hộ kinh doanh do anh Điều Chính H3 trực tiếp quản lý. Khoảng cuối tháng 8/2025, căn cứ danh sách các hộ kinh doanh có doanh thu biến động trên 50% và dữ liệu hóa đơn đầu vào trên hệ thống quản lý thuế, Ngô Thị T yêu cầu Điều Chính H3 gọi Nguyễn Văn N đến Thuế Cơ sở 1 làm việc.

Ngày 08/9/2025, Ngô Thị T đưa ra thông tin không đúng về nghĩa vụ thuế, cho rằng N chưa kê khai đầy đủ doanh thu nên phải nộp bổ sung tiền thuế các năm trước, đồng thời tạo áp lực về việc bị xử lý vi phạm thuế. Tin tưởng T là công chức thuế đang thực hiện nhiệm vụ công vụ, Nguyễn Văn N đồng ý kê khai theo hướng dẫn. Ngày 13/9/2025, T hướng dẫn N kê khai doanh thu 100.000.000 đồng/tháng, sau đó tự xác định số tiền phải nộp không đúng quy định và yêu cầu N giao 74.500.000 đồng. N đã giao toàn bộ số tiền trên bằng tiền mặt cho T. Khi nhận tiền, T không lập biên lai, chứng từ theo quy định, sau đó giao hồ sơ, tờ khai thuế của Nguyễn Văn N cho Lương Tuấn P lập bảng kê nộp thuế.

Qua tính toán, P xác định số tiền thực tế Nguyễn Văn N phải nộp vào ngân sách Nhà nước là 29.541.000 đồng, gồm 28.500.000 đồng tiền thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân năm 2025; 1.000.000 đồng tiền lệ phí môn bài và 41.000 đồng tiền chậm nộp. Ngày 15/9/2025, T đưa cho P 29.500.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước tại Ngân hàng V Chi nhánh S1; ngày 24/10/2025 tiếp tục nộp 41.000 đồng tiền chậm nộp. Số tiền còn lại 44.959.000 đồng là khoản tiền vượt quá nghĩa vụ thuế thực tế của hộ kinh doanh Nguyễn Văn N, không có căn cứ pháp luật để thu, không được lập chứng từ thu ngân sách và không được hạch toán theo quy định, Ngô Thị T đã chiếm đoạt, sử dụng cá nhân số tiền này.

2. Trường hợp thứ hai: Nguyễn Thị Thu H2 là chủ hộ kinh doanh thuốc tân dược tại tổ D Q, phường T, tỉnh Sơn La, nộp thuế theo phương pháp khoán. Năm 2025, hộ kinh doanh của H2 đăng ký doanh thu tính thuế 960.000.000 đồng/năm, tương ứng 80.000.000 đồng/tháng, mức thuế khoán phải nộp 1.200.000 đồng/tháng; hộ kinh doanh do Lương Tuấn P trực tiếp quản lý. Khoảng đầu tháng 9/2025, Ngô Thị T xác định hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu H2 thuộc diện rà soát nên yêu cầu Lương Tuấn P gọi H2 đến Thuế Cơ sở 1 làm việc.

Ngày 05/9/2025, Ngô Thị T đưa ra thông tin không đúng về nghĩa vụ thuế, cho rằng chị H2 chưa kê khai đầy đủ doanh thu nên phải kê khai bổ sung và nộp

thêm tiền thuế. Theo hướng dẫn của T, chị H2 kê khai bổ sung doanh thu phát sinh từ tháng 01/2025 đến tháng 8/2025 là 600.000.000 đồng, số thuế phải nộp 9.000.000 đồng; đồng thời kê khai doanh thu từ tháng 9/2025 đến tháng 12/2025 là 120.000.000 đồng/tháng, tương ứng số thuế phải nộp 1.800.000 đồng/tháng. T tự xác định số tiền phải nộp không đúng quy định và yêu cầu H2 giao 25.000.000 đồng. Tin tưởng T là công chức thuế đang thực hiện nhiệm vụ công vụ, H2 đồng ý chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của Lương Tuấn P theo yêu cầu.

Ngày 11/9/2025, Nguyễn Thị Thu H2 chuyển 25.000.000 đồng vào tài khoản số 7903205034007 mang tên Lương Tuấn P. Sau khi nhận tiền, P báo lại cho T và được giao tính toán số tiền thực tế phải nộp ngân sách Nhà nước, phần còn lại rút tiền mặt giao cho T. Phê cộng số tiền H2 vừa chuyển với 4.800.000 đồng tiền thuế khoán các tháng 6, 7, 8, 9/2025 H2 đã nộp trước đó nhưng chưa nộp ngân sách, tổng cộng 29.800.000 đồng. Ngày 15/9/2025, P nộp vào ngân sách Nhà nước 15.000.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng tiền thuế giá trị gia tăng và 5.000.000 đồng tiền thuế thu nhập cá nhân; đồng thời đưa cho Điều Chính H3 4.800.000 đồng nhờ nộp thuế khoán cho H2. Sau khi đối trừ nghĩa vụ thuế thực tế, số tiền còn lại 10.000.000 đồng là khoản tiền không có căn cứ pháp luật để thu, không được kê khai, hạch toán, nộp ngân sách theo quy định; Lương Tuấn P đã rút tiền mặt giao cho Ngô Thị T, T chiếm đoạt và sử dụng cá nhân số tiền này.

3. Trường hợp thứ ba: Hoàng Văn T1 là chủ hộ kinh doanh tạp hóa tại tổ F, phường C, tỉnh Sơn La, nộp thuế theo phương pháp khoán. Năm 2025, hộ kinh doanh của T1 đăng ký doanh thu tính thuế 360.000.000 đồng/năm, tương ứng 30.000.000 đồng/tháng, mức thuế khoán phải nộp 450.000 đồng/tháng; hộ kinh doanh này do Điều Chính H3 trực tiếp quản lý. Khoảng cuối tháng 9/2025, Ngô Thị T xác định hộ kinh doanh Hoàng Văn T1 thuộc diện rà soát nên yêu cầu Điều Chính H3 gọi T1 đến Thuế Cơ sở 1 làm việc.

Ngô Thị T đưa ra thông tin không đúng về nghĩa vụ thuế, cho rằng T1 chưa kê khai đầy đủ doanh thu nên phải kê khai bổ sung và nộp thêm tiền thuế. Theo hướng dẫn của T, T1 kê khai bổ sung doanh thu phát sinh từ tháng 01/2025 đến tháng 9/2025 là 1.500.000.000 đồng; đồng thời kê khai doanh thu từ tháng 10/2025 đến tháng 12/2025 là 60.000.000 đồng/tháng, tương ứng số thuế phải nộp 900.000 đồng/tháng. T tự xác định số tiền phải nộp không đúng quy định và yêu cầu T1 giao 32.850.000 đồng. Tin tưởng số tiền trên là nghĩa vụ tài chính phải nộp cho Nhà nước, T1 chuyển tiền vào tài khoản số 4110813294 mang tên Lương Tuấn P mở tại Ngân hàng TMCP Đ2 theo yêu cầu của T.

Sau khi nhận tiền, T giao tờ khai thuế của Hoàng Văn T1 cho Lương Tuấn P lập bảng kê nộp thuế. Phê xác định số tiền T1 thực tế phải nộp ngân sách Nhà nước là 16.157.000 đồng, gồm 10.198.000 đồng tiền thuế giá trị gia tăng,

5.902.000 đồng tiền thuế thu nhập cá nhân và 57.000 đồng tiền chậm nộp. Ngày 25/9/2025, P nộp số tiền 16.157.000 đồng vào ngân sách Nhà nước cho hộ kinh doanh Hoàng Văn T1. Số tiền còn lại 16.693.000 đồng là khoản tiền vượt quá nghĩa vụ thuế thực tế, không có căn cứ pháp luật để thu, không được lập chứng từ thu ngân sách và không được hạch toán theo quy định; Lương Tuấn P rút số tiền chênh lệch này giao cho Ngô Thị T, T chiếm đoạt và sử dụng cá nhân.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ 03 file ghi âm, 03 file video do ông Nguyễn Văn N giao nộp; 01 quyển sổ ghi chép bìa màu đen và điện thoại di động Iphone 11 Pro Max của Ngô Thị T; điện thoại Iphone 16 Pro Max của Lương Tuấn P; các máy tính do đại diện Thuế Cơ sở 1 Sơn La giao nộp. Kết luận giám định của V1 - Bộ C xác định không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh trong các file dữ liệu được giám định; đối với điện thoại, máy tính của các bị cáo không phát hiện nội dung tin nhắn, hình ảnh liên quan đến hành vi phạm tội.

Trong quá trình điều tra, ngày 09/01/2026, đại diện gia đình các bị cáo Ngô Thị T và Lương Tuấn P đã nộp khắc phục toàn bộ số tiền 71.652.000 đồng bị chiếm đoạt của 03 bị hại, trong đó gia đình bị cáo Ngô Thị T nộp 61.652.000 đồng, gia đình bị cáo Lương Tuấn P nộp 10.000.000 đồng. Các bị hại đề nghị được nhận lại toàn bộ số tiền đã bị chiếm đoạt.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 146/2026/HS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Sơn La đã xét xử và quyết định đối với bị cáo Ngô Thị T:

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 355; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Ngô Thị T phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị T 03 (ba) năm tù, được trừ 04 (bốn) tháng 10 (mười) ngày tạm giữ, tạm giam, còn phải chấp hành 02 (hai) năm 07 (bảy) tháng 20 (hai mươi) ngày tù. Cấm bị cáo T đảm nhiệm chức vụ Kiểm tra viên Thuế 01 (một) năm, thời hạn kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung đối với bị cáo T; tội danh, hình phạt đối với bị cáo Lương Tuấn P và trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/8/2026 bị cáo Ngô Thị T kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Ngày 17/8/2026, bị hại Nguyễn Thị Thu H2 kháng cáo yêu cầu bị cáo T trả thêm 3.000.000 đồng tiền lãi; ngày 18/8/2026, bị hại Hoàng Văn T1 kháng cáo yêu cầu bị cáo T trả thêm 3.000.000 đồng tiền lãi.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Ngô Thị T đã thanh toán đầy đủ cho bà Nguyễn Thị Thu H2 3.000.000 đồng và ông Hoàng Văn T1

3.000.000 đồng. Ngày 15/9/2026, bà H2 và ông T1 có đơn rút toàn bộ kháng cáo, xác nhận đã được bị cáo thanh toán đầy đủ; đồng thời đều đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo T được hưởng án treo.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo giao nộp thêm các tài liệu gồm: Đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ngày 18/9/2026 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Sơn La; Giấy khám sức khỏe số 867654/GKSK-HSC ngày 28/4/2026 của Bệnh viện Đ3; Phiếu siêu âm và Kết quả X-quang ngày 27/4/2026 của Phòng khám M; Biên lai thu tiền ngày 12/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La về việc bị cáo tự nguyện nộp 200.000 đồng tiền tạm thu án phí hình sự sơ thẩm; Hợp đồng tặng cho tài sản số 06/2026/HĐTCTS ngày 25/9/2026 ký với Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh S, thể hiện việc tặng 01 nồi cơm điện mới, trị giá 1.600.000 đồng.

- **Tại phiên tòa phúc thẩm:** Bị cáo Ngô Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định, giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:** Bản án hình sự sơ thẩm số 146/2026/HS-ST ngày 11/8/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Sơn La xét xử bị cáo Ngô Thị T về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 03 năm tù mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm Đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú; các tài liệu khám, theo dõi sức khỏe; biên lai nộp án phí hình sự sơ thẩm và tài liệu về việc tặng tài sản cho Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh S. Giấy khám sức khỏe xác định sức khỏe của bị cáo thuộc loại III, bị cáo đang điều trị tăng huyết áp và có một số vấn đề về sức khỏe cần tiếp tục theo dõi, tái khám định kỳ. Sau xét xử sơ thẩm, bị cáo cũng đã thanh toán đầy đủ khoản tiền mà hai bị hại Nguyễn Thị Thu H2 và Hoàng Văn T1 yêu cầu; hai bị hại đã rút toàn bộ kháng cáo và đều đề nghị giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo. Đại diện Viện kiểm sát cho rằng đây là những tình tiết mới cần được xem xét cùng với nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo đã được hưởng khi giải quyết kháng cáo. Hơn nữa cần áp dụng bổ sung cho bị cáo Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Thị T; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm như sau:

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 355; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 41; Điều 54; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Thị T 03 (ba) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 30/9/2026).

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận thêm, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Ngô Thị T có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đúng về chủ thể và phạm vi kháng cáo nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với kháng cáo của các bị hại Nguyễn Thị Thu H2 và Hoàng Văn T1, trước khi mở phiên tòa phúc thẩm các bị hại đã có văn bản tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo; Tòa án cấp phúc thẩm đã thông báo việc rút kháng cáo cho Viện kiểm sát, bị cáo và những người có liên quan theo khoản 2 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét các nội dung kháng cáo mà hai bị hại đã rút.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ngô Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị cáo Lương Tuấn P, lời khai của những người bị hại, các chứng từ giao nhận, chuyển tiền, tài liệu xác định nghĩa vụ thuế, file ghi âm, video và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở xác định:

Trong thời gian từ ngày 05/9/2025 đến ngày 24/9/2025, lợi dụng nhiệm vụ được giao trong việc rà soát nghĩa vụ thuế của các hộ kinh doanh, bị cáo Ngô Thị T đã đưa ra thông tin không đúng về nghĩa vụ thuế và yêu cầu ba hộ kinh doanh giao số tiền cao hơn số tiền thực tế phải nộp; sau đó chỉ nộp một phần theo nghĩa vụ thuế vào ngân sách Nhà nước, chiếm đoạt phần chênh lệch. Cụ thể, bị cáo chiếm đoạt của hộ kinh doanh Nguyễn Văn N 44.959.000 đồng; của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu H2 10.000.000 đồng; của hộ kinh doanh Hoàng Văn T1 16.693.000 đồng, tổng số tiền 71.652.000 đồng. Đối với hai trường hợp Nguyễn Thị Thu H2 và Hoàng Văn T1, bị cáo Lương Tuấn P biết số tiền yêu cầu giao nộp vượt quá nghĩa vụ thuế thực tế nhưng vẫn cung cấp tài khoản cá

nhân nhận tiền, thực hiện việc tính số tiền nộp ngân sách và rút phần chênh lệch giao cho bị cáo T.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Ngô Thị T về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo không kháng cáo về tội danh, tại phiên tòa phúc thẩm cũng không có ý kiến gì đối với phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Ngô Thị T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Về nhân thân: Bị cáo Ngô Thị T chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp 61.652.000 đồng để cùng khắc phục toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt trong vụ án. Theo các tài liệu có trong hồ sơ và nội dung đơn bị cáo giao nộp, trong quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích, được Tỉnh ủy S2, Bộ T3, Ủy ban nhân dân tỉnh S và cơ quan, đơn vị tặng nhiều bằng khen, giấy khen; nhiều năm được công nhận danh hiệu thi đua; được tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Tài chính Việt Nam và Huy hiệu Vì sự nghiệp xây dựng tỉnh Sơn La. Bố, mẹ bị cáo là cán bộ, công chức Nhà nước, có quá trình công tác và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương, Huy chương, các hình thức khen thưởng. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 03 năm tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề, là có căn cứ.

Vụ án có đồng phạm nên khi quyết định hình phạt phải xem xét tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo, đồng thời các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng thuộc người nào thì áp dụng đối với bị cáo đó theo Điều 58 Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm đã phân hóa trách nhiệm hình sự khi quyết định mức hình phạt đối với từng bị cáo, nhưng trong phần căn cứ áp dụng hình phạt đối với bị cáo Ngô Thị T chưa viện dẫn Điều 58 Bộ luật Hình sự; Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng bổ sung điều luật này khi xem xét kháng cáo của bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo tham gia với vai trò là người khởi xướng và thực hiện giữ vai trò chính, cấp sơ thẩm đánh giá bị cáo là chủ mưu, cầm đầu là chưa chính xác.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Ngô Thị Thủy cung cấp Đ đề nghị đề ngày ngày 18/9/2026. Trong đơn, bị cáo trình bày ngoài lần phạm tội này bản thân chấp hành các quy định tại nơi cư trú; trong thời gian được áp dụng biện pháp bảo lãnh đã chấp hành các yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và đề nghị được cải tạo tại địa phương; đơn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú. Tài liệu này là căn cứ bổ sung để xem xét nhân

thân, nơi cư trú và điều kiện quản lý, giáo dục bị cáo tại địa phương. Bị cáo còn xuất trình Giấy khám sức khỏe ngày 28/4/2026 của Bệnh viện Đ3, kết luận phân loại sức khỏe loại III, ghi nhận bị cáo đang điều trị tăng huyết áp và có một số vấn đề sức khỏe cần tiếp tục theo dõi, tái khám định kỳ; Phiếu siêu âm, Kết quả X-quang ngày 27/4/2026 của Phòng khám M cũng thể hiện một số bất thường cần theo dõi. Các tài liệu y tế này không làm phát sinh một tình tiết giảm nhẹ độc lập quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng phản ánh tình trạng sức khỏe thực tế của bị cáo tại thời điểm xét xử phúc thẩm, cần được xem xét cùng với nhân thân, hoàn cảnh và các tình tiết khác khi quyết định biện pháp chấp hành hình phạt.

Ngoài số tiền đã được khắc phục trong giai đoạn điều tra, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tiếp tục thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu H2 và ông Hoàng Văn T1 mỗi người 3.000.000 đồng theo nội dung kháng cáo của các bị hại. Sau khi nhận đủ tiền, bà H2 và ông T1 đều tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo, không còn yêu cầu bị cáo thanh toán khoản tiền lãi và cùng có ý kiến đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo T được hưởng án treo. Việc bị cáo tiếp tục giải quyết đầy đủ yêu cầu của người bị hại sau xét xử sơ thẩm thể hiện ý thức khắc phục hậu quả, thái độ ăn năn, sửa chữa sai phạm. Theo khoản 7 Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho người phạm tội đối với hành vi gây thiệt hại về tài sản có thể được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, ý kiến của hai bị hại là tình tiết giảm nhẹ mới cần được xem xét cho bị cáo tại cấp phúc thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/8/2026 bị cáo đã tự nguyện nộp 200.000 đồng tiền tạm thu án phí hình sự sơ thẩm tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La. Ngày 25/9/2026, bị cáo giao nộp Hợp đồng tặng cho tài sản số 06/2026/HĐTCTS ký với Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh S, thể hiện việc tặng 01 nồi cơm điện mới trị giá 1.600.000 đồng cho Trung tâm. Những việc làm này phát sinh sau xét xử sơ thẩm, tuy không làm thay đổi tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhưng thể hiện ý thức chấp hành quyết định của Tòa án, thái độ hướng thiện và trách nhiệm đối với cộng đồng của bị cáo. Căn cứ khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xem xét đây là tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; mức độ giảm nhẹ được cân nhắc trong tổng thể các tình tiết của vụ án, không tách rời khỏi việc đánh giá thái độ của bị cáo sau khi phạm tội.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, tại cấp sơ thẩm bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tại cấp

phúc thẩm, ngoài việc tiếp tục khắc phục đầy đủ quyền lợi mà những bị hại yêu cầu và được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho hưởng án treo, bị cáo còn có thêm các tài liệu thể hiện việc tự nguyện chấp hành nghĩa vụ án phí, tham gia hoạt động hỗ trợ xã hội, có nơi cư trú rõ ràng, đơn của bị cáo có xác nhận của chính quyền địa phương và có điều kiện để gia đình, địa phương quản lý, giáo dục; tình trạng sức khỏe hiện tại cũng cần được theo dõi, điều trị định kỳ. Những tình tiết phát sinh sau xét xử sơ thẩm thể hiện thái độ chấp hành pháp luật, ý thức khắc phục hậu quả và khả năng tự cải tạo của bị cáo. Vì vậy, xét toàn diện nhân thân, quá trình công tác, các tình tiết giảm nhẹ đã được áp dụng và các tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội. Giữ nguyên mức hình phạt 03 năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giám sát, giáo dục, vẫn bảo đảm yêu cầu giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Thị T, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là có căn cứ, phù hợp với các tình tiết mới tại cấp phúc thẩm nên cần được chấp nhận.

Từ những nhận định, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Thị T; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 146/2026/HS-ST ngày 11/8/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Sơn La về hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Ngô Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí đối với bị cáo và bị cáo khác trong vụ án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Thị T; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 146/2026/HS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Sơn La như sau:

1. Về hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 355; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 41; Điều 54; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Ngô Thị T 03 (ba) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 30/9/2026).

Giao bị cáo Ngô Thị T cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Sơn La quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T, Công an phường T và cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 87 và Điều 66 Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Ngô Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 146/2026/HS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Sơn La không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2026)/.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- UBND phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La;
- Công an phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Tòng Thị Hiền

